



断面図 A-A

部品番号	図番	品名	材質	個数
1	C001	本体	FC200	1
2	C002	カバー	FC200	1
3	C003	軸1	S45C	1
4	C004	軸2	S45C	1
5	C005	平歯車1	S45C	1
6	C006	平歯車2	S45C	1
7	C007	Vプーリ	S45C	1
8	C008	ナット	FC200	1
9	C009	ツバ付きブシュ	CAC403	1
10	C010	ブシュ	CAC403	4
11	C011	六角ボルトM6	SCM435	12
12	C012	ロックピン	S45C	1
13	C013	麻糸	-	1
14	C014	ガスケット	NBR	1
15	C015	ブラケット	SS400	1
16	C016	ベース	SS400	1
17	C017	六角ボルトM10	SCM435	2

APPD. 承認	DATE	名称 / TITLE	
承認者	XX/06/01	歯車ポンプassy	
CHKD. 検図	DATE	図面番号 / DRAWING NO.	
検図者	XX/06/01	A001	
DSGND. 設計	DATE	材質 / MATERIAL	表面処理 / SURFACE TREATMENT
設計者	XX/06/01	-	-
④	SCALE 1:2	CADRISE	

A3